

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/HS-ST
Ngày 17-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Cần;

Ông Tống Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nhâm Hoàng Long - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 312/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn M, sinh năm 2001 tại Trà Vinh; nơi cư trú: ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Tr và bà Lê Ngọc Nh; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Ngày 09/5/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) A, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 106/2019/HSST. Ngày 11/02/2022 đã chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 29/5/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” tại Bản án số 106/2019/HSST. Ngày 11/02/2022 đã chấp hành xong hình phạt tù.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 31/3/2023 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 2003; thường trú: Ấp 1, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; có đơn xin vắng mặt;

2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1991; thường trú: Thôn Th, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Khu phố K, phường Kh, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt;

3. Bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1993; địa chỉ: Khu phố X, phường Q, thị xã G, tỉnh Tây Ninh; có mặt;

4. Bà Phạm Thị Kiều N2, sinh năm 1999; thường trú: Ấp I, xã V, huyện V1, tỉnh Bạc Liêu; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn M là đối tượng có tiền án về tội Trộm cắp tài sản và Cướp giật tài sản, không có nghề nghiệp ổn định, không có tiền tiêu xài nên nảy sinh ý định đi đến các khu nhà trọ tìm những người phụ nữ ở một mình để thực hiện hành vi cướp tài sản. Từ ngày 08/3/2023 đến ngày 25/3/2023, M đã thực hiện 04 vụ cướp tài sản và hiếp dâm trên địa bàn thị xã G, tỉnh Tây Ninh và thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 06 giờ 00 phút ngày 08/3/2023, Nguyễn Văn M điều khiển xe mô tô gắn biển số 52K4-7536 đi từ nơi ở tại ấp C, xã TP, huyện Đ, Thành phố Hồ Chí Minh đến Khu công nghiệp G thuộc phường Q, thị xã G, tỉnh Tây Ninh để tìm đối tượng cướp tài sản. Khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, M đi đến khu nhà trọ “9C” thuộc khu phố X, phường Q nhìn thấy trong phòng trọ số 26 của bà Nguyễn Thị Huỳnh N đang ngồi một mình trong phòng, cửa không khoá nên M lấy trong người ra 01 con dao Thái Lan cán màu vàng mang theo từ trước đi vào trong phòng dùng dao đe dọa, yêu cầu bà N đưa tiền và vàng cho M, bà N nói không có thì M đòi quan hệ tình dục với bà rồi kéo quần của bà N xuống đầu gối, lúc này M nghe có tiếng xe mô tô chạy vào dãy trọ nên không quan hệ tình dục với bà N nữa mà đi ra cửa nhìn ra ngoài, không thấy ai, M tiếp tục quay vào phòng giật sợi dây chuyền vàng 18K trên cổ bà N và lấy 01 điện thoại di động Oppo A3S, màu xanh đen. Sau đó, M dùng ổ khóa ngoài cửa phòng rồi bỏ đi. Sau khi chiếm đoạt tài sản trên, M đem bán cho một tiệm vàng (không rõ tên, địa chỉ) tại quận Ph, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 6.900.000 đồng và tiêu xài hết.

Bản kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐGTS ngày 21/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã G, tỉnh Tây Ninh kết luận: Tổng giá trị 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 04 chỉ 94 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3S màu xanh đen tại thời điểm bị chiếm đoạt là 16.890.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 15/3/2023, Nguyễn Văn M điều khiển xe mô tô gắn biển số 59T1-291.59 đi từ nơi ở đến thành phố T, tỉnh Bình Dương tìm đối tượng cướp tài sản. Khi đi đến khu nhà trọ Lê Thị H2 thuộc khu phố K, phường Kh, M nhìn thấy bà Nguyễn Thị D đang ở một mình trong nhà vệ

sinh phòng trọ P01, cửa phòng không khoá, M đi vào lấy trong người ra 01 con dao Thái Lan cán vàng đe dọa bà D rồi chiếm đoạt 01 nhẫn vàng, 01 sợi dây chuyền vàng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno 3. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, M dùng dao không chế bà D để thực hiện hành vi quan hệ tình dục nhưng do bà D chống trả, la lên nên M dừng lại. Bà D yêu cầu M trả lại điện thoại và giơ tay về phía M thì bị M dùng dao quơ trúng ngón cái tay phải gây thương tích. M đi ra ngoài dùng ổ khoá khoá cửa phòng của bà D lại rồi bỏ đi. M đem bán số tài sản trên cho một tiệm vàng ở ấp C, xã TP, huyện Đ với giá 2.300.000 đồng.

Bản kết luận định giá tài sản số 66/KL-HĐĐGTS ngày 07/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố T, tỉnh Bình Dương kết luận: tổng giá trị 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 0,6 chỉ; 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 0,9 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno 3 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 7.280.000 đồng.

Kết luận giám định pháp y về thương tích số 352/2023/KLGD-TTPY ngày 09/6/2023 của Trung tâm Pháp Y tỉnh Bình Dương kết luận tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của bà Nguyễn Thị D là 01% (một phần trăm).

Vụ thứ ba: Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 21/3/2023, Nguyễn Văn M đi từ nơi ở đến Khu công nghiệp G tìm đối tượng cướp tài sản. Khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, M đi đến nhà trọ “F” thuộc khu phố X, phường Q rồi dùng xe phía ngoài. M đi bộ vào phòng trọ số 1 nhìn thấy bà Trần Thị Kim H đang ở một mình trong phòng, không đóng cửa nên lấy trong người ra 01 con dao Thái Lan cán vàng đe dọa và chiếm đoạt 01 sợi dây chuyền vàng, 01 chiếc nhẫn vàng của bà H. Sau đó, M sử dụng ổ khoá cửa phòng của bà H móc cửa phía bên ngoài lại rồi bỏ đi. Sau khi chiếm đoạt tài sản trên, M đem bán cho một tiệm vàng (không rõ tên, địa chỉ) tại quận Ph, Thành phố Hồ Chí Minh được 2.900.000 đồng và tiêu xài hết.

Bản kết luận định giá tài sản số 33/KL-HĐĐGTS ngày 25/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã G, tỉnh Tây Ninh kết luận: Tổng giá trị sợi dây chuyền loại vàng 18K, trọng lượng 1,7 chỉ và chiếc nhẫn vàng 18K, trọng lượng 0,5 chỉ tại thời điểm bị chiếm đoạt là 7.135.332 đồng.

Vụ thứ tư: Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 25/3/2023, Nguyễn Văn M điều khiển xe mô tô gắn biển số 59T1-291.59 đi từ nơi ở đến thành phố T tìm đối tượng cướp tài sản. Khi đi đến nhà trọ DT thuộc khu phố 8, phường U, M nhìn thấy tại phòng trọ số 4 có bà Phạm Thị Kiều N2 đang nằm một mình trong phòng, cửa phòng không khoá, xung quanh không có ai nên lấy trong người ra 01 con dao Thái Lan cán vàng đe dọa rồi chiếm đoạt 01 sợi dây chuyền vàng của bà N2. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, M dùng dao cắt áo, quần và đe dọa bà N2, đòi quan hệ tình dục nhưng do bà N2 chống trả nên M không thực hiện được hành vi. Sau đó, M sử dụng ổ khoá cửa phòng của bà N2 khoá bên ngoài cửa lại và bỏ đi. Sau khi chiếm đoạt tài sản trên, M đem bán cho một tiệm vàng (không rõ tên, địa chỉ) tại quận Ph, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 4.000.000 đồng và tiêu xài hết.

Bản kết luận định giá tài sản số 66/KL-HĐĐGTS ngày 07/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố T kết luận: sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 02 chỉ tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 6.800.000 đồng.

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 31/3/2023, M tiếp tục điều khiển xe mô tô gắn biển số 59T1-291.59 đi đến địa bàn thành phố T tìm đối tượng cướp tài sản. Khi đi đến phường Kh, M bị lực lượng Công an phường phát hiện có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu dừng xe kiểm tra hành chính nhưng không chấp hành mà bỏ chạy thì bị lực lượng công an truy đuổi, bắt giữ đưa về trụ sở làm việc. Tại cơ quan công an, M đã thừa nhận thực hiện các vụ Cướp tài sản và Hiếp dâm trên địa bàn thành phố T, tỉnh Bình Dương và thị xã G, tỉnh Tây Ninh.

Vật chứng tạm giữ gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda WinnerX, màu xanh gắn biển số 59T1-291.59; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 84K1-502.84; 01 con dao cán màu vàng dài 30cm; 01 nón bảo hiểm màu trắng; 01 nón kết màu tím; 01 áo màu đỏ bị rách; 01 quần màu đỏ bị rách.

Ngày 31/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T tiến hành khám xét nơi ở của Nguyễn Văn M tại ấp C, xã TP, huyện Đ, Thành phố Hồ Chí Minh thu giữ: 01 áo khoác màu xanh rêu đã qua sử dụng; 01 quần lửng màu đen đã qua sử dụng; 01 biển số xe mô tô số 84K1-502.84; 01 nón bảo hiểm màu vàng đen sọc vàng; 01 quần dài màu xanh rêu đã qua sử dụng; 01 đôi dép màu đen có sọc màu trắng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Lifan, màu sơn xanh đỏ, gắn biển số 52K4-7536, số máy: HD1P53FMHY0007809, số khung: LF3XCH0A4YA000345.

Qua tra cứu, biển số 59T1-291.59 là của xe mô tô hiệu Honda Lead, màu vàng đen do bà Nguyễn Thị Ngọc D2 đứng tên chủ sở hữu. Bà D2 đã làm thủ tục đổi biển số thành 60B2-459.62 và giao nộp biển số 59T1-291.59 cho cơ quan công an để thu hồi. Qua tra cứu xe mô tô nhãn hiệu Honda WinnerX, màu xanh, số máy KC34E1184530, số khung RLHKC3703LY109274 có biển số 84K1-502.84 do Nguyễn Văn M đứng tên chủ sở hữu.

Qua tra cứu xe mô tô nhãn hiệu Lifan, màu sơn xanh đỏ, gắn biển số 52K4-7536 số máy: HD1P53FMHY0007809, số khung: LF3XCH0A4YA000345 do ông Trà Văn S đứng tên chủ sở hữu. Qua xác minh ông S không có mặt tại địa phương nên không tiến hành làm việc được. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã đăng thông báo truy tìm chủ sở hữu trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng đến nay vẫn không có kết quả.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Huỳnh N yêu cầu M bồi thường 16.890.000 đồng. Bà Nguyễn Thị D yêu cầu M bồi thường 7.280.000 đồng. Bà Trần Thị Kim H yêu cầu M bồi thường 7.135.332 đồng. Bà Phạm Thị Kiều N2 yêu cầu M bồi thường 6.800.000 đồng. M chưa bồi thường.

Bà Nguyễn Thị D không yêu cầu xử lý hành vi M dùng dao gây thương tích cho bà với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 01% nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T không đề nghị xử lý.

Bà Nguyễn Thị Huỳnh N không yêu xử lý hành vi M dùng vũ lực đe dọa để thực hiện hành vi quan hệ tình dục (chưa thực hiện được) với bà N nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không đề nghị xử lý.

Bản Cáo trạng số 339/CT-VKS-TU ngày 15/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn M về tội “Cướp tài sản” và tội “Hiếp dâm” theo điểm d khoản 2 Điều 168 và điểm d khoản 2 Điều 141 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

+ Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168 và điểm d khoản 2 Điều 141; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, i khoản 1 Điều 52; Điều 15; Điều 57; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 09 đến 10 năm tù về tội “Cướp tài sản” và từ 07 đến 08 năm tù về tội “Hiếp dâm”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung từ 16 đến 18 năm tù.

+ Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn Văn M phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Huỳnh N 16.890.000 đồng; bà Nguyễn Thị D 7.280.000 đồng; bà Trần Thị Kim H 7.135.332 đồng và bà Phạm Thị Kiều N2 6.800.000 đồng.

+ Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao cán màu vàng dài 30cm; 01 nón bảo hiểm màu trắng; 01 nón kết màu tím; 01 áo màu đỏ bị rách; 01 quần màu đỏ bị rách; 01 áo khoác màu xanh rêu đã qua sử dụng; 01 quần lửng màu đen đã qua sử dụng; 01 nón bảo hiểm màu vàng đen sọc vàng; 01 quần dài màu xanh rêu đã qua sử dụng; 01 đôi dép màu đen có sọc màu trắng;

Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda WinnerX, màu xanh gắn biển số 59T1-291.59; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 84K1-502.84; 01 biển số xe mô tô số 84K1-502.84; 01 xe mô tô nhãn hiệu Lifan, màu sơn xanh đỏ, gắn biển số 52K4-7536, số máy: HD1P53FMHY0007809, số khung: LF3XCH0A4YA000345.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị D và bà Trần Thị Kim H đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường cho các bị hại số tiền như đã yêu cầu, đề nghị xét xử bị cáo theo quy định pháp luật, không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Nguyễn Văn M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thống nhất tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng, không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo cơ hội sửa chữa lỗi lầm để trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị hại bà Nguyễn Thị Huỳnh N và bà Phạm Thị Kiều N2 có đơn xin vắng mặt. Quá trình điều tra, lời khai của họ không mâu thuẫn với lời khai của bị cáo và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đại diện Viện kiểm sát và bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt bà N, bà N2. Xét thấy, việc vắng mặt bà N, bà N2 không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà N, bà N2.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn M tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như vật chứng thu giữ và lời khai của các bị hại. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 08/3/2023 đến ngày 25/3/2023 tại địa bàn thị xã G, tỉnh Tây Ninh và thành phố T, tỉnh Bình Dương Nguyễn Văn M đã có hành vi dùng dao (là hung khí nguy hiểm) đe dọa, thực hiện 04 vụ cướp tài sản, chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Huỳnh N 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 04 chỉ 94 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3S màu xanh đen; chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị D 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 0,6 chỉ; 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 0,9 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno 3; chiếm đoạt của bà Trần Thị Kim H 01 sợi dây chuyền loại vàng 18K, trọng lượng 1,7 chỉ và 01 chiếc nhẫn vàng 18K, trọng lượng 0,5 chỉ; chiếm đoạt của bà Phạm Thị Kiều N2 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 02 chỉ. Tổng giá trị tài sản M đã chiếm đoạt của các bị hại là 38.105.332 đồng. Ngoài ra, Nguyễn Văn M còn có hành vi dùng vũ lực đe dọa để thực hiện hành vi quan hệ tình dục với bị hại Nguyễn Thị D và Phạm Thị Kiều N2 nhưng do bị hại chống trả nên M chưa thực hiện được hành vi quan hệ tình dục.

Do đó, hành vi của Nguyễn Văn M đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” và “Hiếp dâm” theo điểm d khoản 2 Điều 168 và điểm d khoản 2 Điều 141 Bộ luật Hình sự.

[4] Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo với tội danh và khung hình phạt như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Hành vi của bị cáo đã thực hiện trong vụ án này là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm hại đến thuần phong mỹ tục, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín của bị hại được pháp luật bảo vệ; xâm hại đến quyền sở hữu của bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có sức khỏe nhưng không lao động để tạo thu nhập mà vì tham

lam, tư lợi và mong muốn thỏa mãn dục vọng của bản thân mà cố ý thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo “phạm tội 02 lần trở lên” và “phạm tội đối với phụ nữ có thai” nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa đối với tội “Hiếp dâm” là phù hợp nhưng với tội “Cướp tài sản” là chưa phù hợp với tính chất, mức độ tội phạm của bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Huỳnh N 16.890.000 đồng; bà Nguyễn Thị D 7.280.000 đồng; bà Trần Thị Kim H 7.135.332 đồng và bà Phạm Thị Kiều N2 6.800.000 đồng.

[10] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Đối với 01 con dao cán màu vàng là công cụ bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội; 01 nón bảo hiểm màu trắng; 01 nón kết màu tím; 01 áo màu đỏ bị rách; 01 quần màu đỏ bị rách; 01 áo khoác màu xanh rêu đã qua sử dụng; 01 quần lửng màu đen đã qua sử dụng; 01 nón bảo hiểm màu vàng đen sọc vàng; 01 quần dài màu xanh rêu đã qua sử dụng; 01 đôi dép màu đen có sọc màu trắng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda WinnerX, màu xanh gắn biển số 59T1-291.59; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 84K1-502.84; 01 biển số xe mô tô số 84K1-502.84; 01 xe mô tô nhãn hiệu Lifan, gắn biển số 52K4-7536, số máy: HD1P53FMHY0007809, số khung: LF3XCH0A4YA000345 là phương tiện bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước.

[11] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phạm tội, bị kết án và phải bồi thường trách nhiệm dân sự nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Cướp tài sản” và “Hiếp dâm”.

1. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm d khoản 2 Điều 141; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, i khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55; Điều 15 và Điều 57 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 08 (Tám) năm tù về tội “Cướp tài sản” và 07 (Bảy) năm tù về tội “Hiếp dâm”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 15 (Mười lăm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/3/2023.

2. *Về trách nhiệm dân sự:* Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585 và 589 Bộ luật D sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn M bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị Huỳnh N số tiền 16.890.000 đồng (Mười sáu triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng); bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị D số tiền 7.280.000 đồng (Bảy triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng); bồi thường cho bị hại bà Trần Thị Kim H số tiền 7.135.332 đồng (Bảy triệu một trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi hai đồng) và bồi thường cho bị hại bà Phạm Thị Kiều N2 số tiền 6.800.000 đồng (Sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật D sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

3. *Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:* Căn cứ Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tổ tụng hình sự,

- Tịch thu tiêu hủy: 01 nón bảo hiểm màu trắng; 01 mũ vải màu tím đã qua sử dụng; 01 áo màu đỏ bị rách; 01 quần màu đỏ bị rách; 01 áo khoác màu xanh rêu đã qua sử dụng; 01 quần lửng màu đen đã qua sử dụng; 01 nón bảo hiểm màu vàng đen sọc vàng; 01 quần dài màu xanh rêu đã qua sử dụng; 01 đôi dép màu đen có sọc màu trắng; 01 con dao thái lan cán vàng.

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước: 01 xe mô tô Honda WinnerX, gắn biển số 59T1-291.59 màu xanh - đen, số khung: 3703LY109274, số máy: KC34E1184530; 01 giấy đăng ký xe mô tô 84K1-502.84; 01 biển số xe mô tô 84K1-502.84; 01 xe mô tô kiểu dáng Wave gắn biển số 52K4-7536 màu xanh - đỏ, số khung: mờ, số máy: 0007809.

(Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 21/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương).

4. *Về án phí sơ thẩm:* Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tổ tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn M chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.905.267 đồng (Một triệu chín trăm lẻ năm nghìn hai trăm sáu mươi bảy đồng).

Bị cáo; bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Công an thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Tâm